

Cơ phụ (Đầu, Ng TB)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

Số: 2803 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 12 năm 2018.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ. VĨNH LONG	
ĐẾN	Số: 4822
	Ngày: 26/12/18
Chuyển: P.ĐT, LĐ, VX:	
Lưu hồ sơ số:	Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP, ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 147/NQ-HĐND, ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 10 về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 từ nguồn ngân sách tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019, như sau:

Tổng kế hoạch vốn năm 2019 là 2.233,3 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn cân đối từ ngân sách tỉnh: 401 tỷ đồng;

(Chi tiết danh mục công trình kèm theo phụ lục số 1)

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 290 tỷ đồng;

(Chi tiết danh mục công trình kèm theo phụ lục số 2)

- Nguồn xổ số kiến thiết: 1.197 tỷ đồng;

(Chi tiết danh mục công trình kèm theo phụ lục số 3 và 3.1, 3.2)

- Nguồn do Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long nộp vào ngân sách Nhà nước: 232,3 tỷ đồng;

(Chi tiết danh mục công trình kèm theo phụ lục số 4)

- Nguồn thu tiền sử dụng đất từ hạ tầng Khu hành chính và dân cư phường 9 là 5 tỷ đồng.

(Chi tiết danh mục công trình kèm theo phụ lục số 5)

- Nguồn dự phòng xổ số kiến thiết năm 2018 là 108 tỷ đồng.

(Chi tiết danh mục công trình kèm theo phụ lục số 6)

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo cụ thể cho các chủ đầu tư để triển khai thực hiện và hoàn thành giải ngân theo đúng thời hạn quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ. VP.UBND tỉnh;
- Các Phòng NC;
- Lưu: VT. 5.04.02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 TỪ NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: 2803 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	TỔNG SỐ	155	2.233.300	
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH	21	401.000	Bảng phụ lục 1 kèm theo
I	Phân cấp cho huyện, tx, tp		132.010	
II	Chi đầu tư cấp tỉnh		268.990	
1	Quyết toán, tắt toán công trình hoàn thành, thanh toán nợ đọng XD CB		3.635	
2	Chuẩn bị đầu tư - Chuẩn bị thực hiện dự án		12.100	
3	Đối ứng ODA	1	500	
4	Thực hiện dự án	20	252.755	
4.1	Bố trí chuyển tiếp	11	124.055	
4.2	Bố trí khởi công mới	9	128.700	
B	NGUỒN THU TỪ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1	290.000	Bảng phụ lục 2 kèm theo
I	Phân cấp cho huyện, tx, tp		75.000	
II	Cấp tỉnh		10.000	
1	Quỹ phát triển đất		3.000	
2	Bố trí vốn thực hiện dự án	1	5.000	
3	Duy tu sửa chữa cầu đường 10%, chỉnh lý hồ sơ đất đai 10% (chuyển sang vốn sự nghiệp)		2.000	
III	Chi từ nguồn bán 30% nền sinh lợi trong các cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ		205.000	
C	NGUỒN XỔ SỐ KIẾN THIẾT	119	1.197.000	Bảng phụ lục 3 kèm theo
1	Các dự án do các tổ chức phi Chính phủ tài trợ (đối ứng)		10.000	
2	Quyết toán, tắt toán công trình hoàn thành, thanh toán nợ đọng XD CB		3.826	
3	Chuẩn bị đầu tư - Chuẩn bị thực hiện dự án		1.000	
4	Đối ứng với TW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và giảm nghèo bền vững	44	112.000	Bảng phụ lục 3.1 kèm theo
5	Đối ứng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ do TW hỗ trợ	1	1.100	
6	Đối ứng ODA	2	141.424	

STT	Nội dung	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
7	Thực hiện dự án	72	918.650	
7.1	Bố trí chuyên tiếp	35	608.000	
	<i>Ngoài xã điểm NTM</i>	29	584.700	
	<i>Trong xã điểm NTM</i>	6	23.300	<i>Bảng phụ lục 3.2 kèm theo</i>
7.2	Khởi công mới	37	310.650	
	<i>Ngoài xã điểm NTM</i>	30	265.450	
	<i>Trong xã điểm NTM</i>	7	45.200	<i>Bảng phụ lục 3.2 kèm theo</i>
8	Chi đầu tư phát triển khác		9.000	Khen thưởng cho xã đạt NTM, thi đua cụm của huyện, thị xã theo quyết định của UBND tỉnh
D	NGUỒN DO ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH VĨNH LONG NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	10	232.300	Bảng phụ lục 4 kèm theo
1	Bố trí chuyên tiếp	9	207.300	
2	Bố trí Khởi công mới	1	25.000	
E	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG BẮT TỪ HẠ TẦNG KHU HÀNH CHÍNH VÀ DÂN CƯ PHƯỜNG 9	1	5.000	Bảng phụ lục 5 kèm theo
1	Bố trí chuyên tiếp	1	5.000	
G	NGUỒN DỰ PHÒNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT NĂM 2018	3	108.000	Bảng phụ lục 6 kèm theo
1	Bố trí chuyên tiếp	3	108.000	